

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 282A/2022/DS-ST

Ngày: 19/9/2022

Về việc “*Tranh chấp Quyền sử dụng đất*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trương Nguơn.

2. Bà Nguyễn Thị Nhân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài -
cán bộ Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây: Bà Nguyễn Thị Kim
H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và 19 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-DS ngày
24 tháng 6 năm 2019 “V/v Tranh chấp Quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương
sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Bà Phan Thị U- Luật sư, thuộc đoàn
luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1955, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1962 (có mặt);

+ Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1944 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: 43/11 Lê Hồng P, phường T, quận T, thành phố T.

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: 439/1C L, phường A, quận B, thành phố H.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: 27A/7 đường B, KV3, phường B, quận B, thành phố C.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1940 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 3007 đường H, khu vực 2, thành phố N, tỉnh H.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị A:

+ Anh Văn Thế D, sinh năm 1978 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: 08 T, phường B, quận B, thành phố H.

+ Chị Văn Kim P, sinh năm 1983 (vắng mặt);

+ Chị Văn Kim Y, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ liên lạc: 08 T, phường B, quận B, thành phố H.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Anh:

+ Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971 (vắng mặt);

+ Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1976 (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Long R, sinh năm 1979 (vắng mặt);

+ Chị Nguyễn T, sinh năm 1974 (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn B, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 793C đường B phường 10, quận 8, thành phố H.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Lệ Chi:

+ Anh Võ Quốc T, sinh năm 1987 (vắng mặt);

+ Chị Võ Diễm T, sinh năm 1990 (vắng mặt);

+ Chị Võ Diễm Tr, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

+ Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Ông H đang quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $1939.3m^2$, đất chuyên trồng lúa nước, là một phần thửa 553 có diện tích $6202m^2$, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại Ấp T, xã V. Phần đất này trước đây là của cha mẹ ông H là ông Nguyễn Văn T (chết năm 2009) và bà Bùi Thị M (chết năm 1968). Trước khi qua đời, năm 1995 cha ông có viết tờ giấy tay nội dung phân chia quyền sử dụng đất cho các con, trong đó ông H được phân chia phần đất diện tích $1939.3m^2$ nằm trong phần đất $6202m^2$ trên. Tờ giấy viết tay hiện nay do ông Nguyễn Văn M cất giữ, việc tặng cho tất cả anh em trong gia đình đều biết. Năm 1997, ông M tự ý đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích $6202m^2$ bao gồm cả $1939.3m^2$ mà ông được phân chia và đang quản lý, sử dụng. Ông đã xây nhà và sinh sống ổn định, xuyên suốt cùng với vợ là bà Lê Thị H và con là Nguyễn Minh T trên phần đất này từ năm 1995 đến nay và không xảy ra tranh chấp gì, ông có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã V giải quyết, ông M có đồng ý chuyển quyền sử dụng đối với phần đất mà ông đang quản lý, sử dụng. Đến năm 2018, phần đất do ông quản lý nằm dọc kênh 14, nên khi Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành giải tỏa thu hồi đất để phục vụ dự án hệ thống thủy lợi trạm bơm cống Xuân Hòa đã thu hồi diện tích đất $801m^2$, số tiền bồi thường đất, tài sản trên đất là 257.166.000 đồng, ông H nhận 116.000.000 đồng, ông M nhận 141.000.000 đồng, ông M hứa sau khi nhận tiền đền bù xong sẽ thực hiện chuyển quyền sử dụng đất sang cho ông nhưng đến nay ông M vẫn không thực hiện. Quá trình sử dụng đất, ông M có xin cấp đổi lại đất nên hiện nay diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 591, tờ bản đồ số 17, đất chuyên trồng lúa nước, tại Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/10/2018 cho ông Nguyễn Văn M.

Tại phiên tòa, ông H và ông M đã thỏa thuận giải quyết như sau: ông H đồng ý nhận diện tích đất sau khi đã cho ông M diện tích đất có chiều ngang ở hướng Bắc 4m ở cạnh giáp kênh 14, chiều ngang ở hướng Nam 4m cạnh giáp phần còn lại của thửa 591, chiều dài hết đất, phần đất này nằm giáp ranh đất với thửa 142 của ông Nguyễn Văn C. Ông M phải bồi thường giá trị 02 cây dừa là 2.200.000 đồng và tiền công di dời hàng rào là 600.000 đồng (giao nhận xong tiền di dời hàng rào). Các cây trồng khác trên đất thuộc phần đất của ông H cho ông M thì ông M được hưởng toàn bộ, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 04/4/1997 cho ông Nguyễn Văn M, xin rút lại yêu cầu bổ sung buộc ông Nguyễn Văn M trả lại số tiền bồi thường là 141.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông H không trình bày thêm gì khác.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:**

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cha mẹ ông để lại, do thấy ông H khó khăn nên ông M có cho ông H ở nhờ trên thửa đất 553 (hiện nay là thửa 591), thửa đất này cha mẹ ông cho ông và ông đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997, đến năm 2018 ông làm thủ tục xin cấp đổi nên phần đất tranh chấp hiện nay thuộc thửa 591, tờ bản đồ số 17, đất chuyên trồng lúa nước, tại Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/10/2018 cho ông Nguyễn Văn M. Đồng thời, năm 2018 Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành giải tỏa thu hồi đất để phục vụ dự án hệ thống thủy lợi trạm bơm công Xuân Hòa đã thu hồi diện tích đất 801m², số tiền bồi thường đất, tài sản trên đất là 257.166.000 đồng, ông H nhận 116.000.000 đồng, ông M nhận 141.000.000 đồng, ông M cho rằng hứa sang tên là nhằm để cho ông H ký tên, không tranh chấp để nhà nước làm công trình cho thuận lợi, chứ ông không có ý định cho đất ông H, đây là đất cha mẹ ông cho ông và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông yêu cầu ông H phải trả tiền bồi thường còn lại là 116.000.000 đồng, trả lại đất cho ông. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông và ông H đã thống nhất giải quyết toàn bộ vụ án, ông đồng ý giao cho ông H được quyền chiếm hữu, quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1140.2m² nhưng ông H phải để giao lại cho ông một phần đất để làm đường đi diện tích đất có chiều ngang ở hướng Bắc 4m ở cạnh giáp kênh 14, chiều ngang ở hướng Nam 4m cạnh giáp phần còn lại của thửa 591, chiều dài hết đất, phần đất này nằm giáp ranh đất với thửa 142 của ông Nguyễn Văn C. Ông đồng ý bồi thường cho ông H giá trị hai cây dừa là 2.200.000 đồng, tiền di dời hàng rào là 600.000 đồng (đã bồi thường xong tiền di dời hàng rào).

Ông Nguyễn Văn M xin rút lại yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung buộc ông Nguyễn Văn H trả lại số tiền bồi thường là 116.000.000 đồng và công nhận đất tranh chấp là của ông.

Ngoài ra, ông M không trình bày thêm gì khác.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Đ cùng thống nhất trình bày: không có ý kiến hay yêu cầu gì, đồng ý theo sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn M.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt nhưng có lời khai tại Tòa án thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn H, trong vụ án này không ai có ý kiến tranh chấp gì.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn Thế D có đơn xin vắng mặt nhưng có lời khai tại Tòa án không có ý kiến tranh chấp gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Kim P, Văn Kim Y, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Long R, Võ Diễm Tr, Nguyễn B, Võ Quốc T, Võ Diễm T, Nguyễn T vắng mặt không có lý do dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không trình bày ý kiến.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn M.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án giữa ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn M. Đình chỉ yêu cầu phản tố, yêu cầu phản tố bổ sung của ông Nguyễn Văn M do ông Nguyễn Văn M xin rút yêu cầu. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn Văn H do ông Nguyễn Văn H xin rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử, xác định quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, cần áp dụng giải quyết theo Điều 166 Bộ luật dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn Kim P, Văn Kim Y, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Long R, Võ Diễm Tr, Nguyễn B, Võ Quốc T, Võ Diễm T, Nguyễn T vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H, Văn Thế D có đơn xin vắng mặt. Xét việc vắng mặt của Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H, Văn Thế D do có đơn xin vắng; Văn Kim P, Văn Kim Y, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Long R, Võ Diễm Tr, Nguyễn B, Võ Quốc T, Võ Diễm T, Nguyễn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hòa giải và xét xử hợp lệ và đúng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H: Tại phiên tòa, ông H và ông M đã thỏa thuận thống nhất giải quyết toàn bộ vụ án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa không có ý kiến hay yêu cầu gì, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn Kim P, Văn Kim Y, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Long R, Võ Diễm Tr, Nguyễn B, Võ Quốc T, Võ Diễm T, Nguyễn T

vắng mặt tại phiên tòa mặc dù quá trình tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến về tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn M, đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn N, Nguyễn Minh T, Văn Thế D mặc dù xin vắng mặt tại Tòa án nhưng có ý kiến không tranh chấp gì hay yêu cầu gì, ngoài ra Hội đồng xét xử nhận thấy nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông H, ông M, quá trình sử dụng đất đến ngày 04/4/1997 ông Nguyễn Văn M được Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đến ngày 31/7/2018 Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây có quyết định thu hồi đất thực hiện xây dựng công trình hệ thống thủy lợi Trạm bơm cống Xuân Hòa, tỉnh Tiền Giang theo Quyết định số 3047/QĐ –UBND, do trước đây lúc cha ông H, ông M là cụ Nguyễn Văn Th có cho ông Nguyễn Văn H một phần đất cấp kênh 14, ông H và gia đình đã trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này từ khoảng năm 1995 đến nay, sau đó khi Ủy ban thu hồi đất thì giữa ông H và ông M cũng có thỏa thuận sau khi nhận tiền bồi thường xong thì ông M sẽ thực hiện thủ tục sang tên cho ông H nhưng sau đó ông M không thực hiện thì ông H mới khởi kiện ra Tòa án để giải quyết, xét thấy việc ông H nhận đất và đã quản lý, sử dụng từ năm 1995, trên đất có chuồng trại, cây trồng trên đất của ông H, đồng thời tại phiên tòa ông M cũng đồng ý công nhận diện tích đất 1103,3m² là của ông H nhưng yêu cầu ông H phải di dời hàng rào gồm trụ bê tông kéo lưới B40 để tạo cho ông M một lối đi ngang 4m, dài hết đất có diện tích 36,9m² tại vị trí giáp ranh với thửa 142 của ông Nguyễn Văn C, ông H cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận giữa ông H và ông M là tự nguyện và có cơ sở nên chấp nhận.

Ông M tự nguyện bồi thường cho ông H 02 cây dừa trên phần được mở lối đi là 2.200.000 đồng và công di dời hàng rào là 600.000 đồng (đã giao nhận tại tòa xong tiền công di dời), ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 04/4/1997 cho ông Nguyễn Văn M; xin rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc buộc ông M trả lại số tiền bồi thường là 141.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ các yêu cầu này là phù hợp.

Ông M xin rút lại yêu cầu phản tố và yêu cầu phản tố bổ sung về việc buộc ông Nguyễn Văn H trả lại số tiền bồi thường là 116.000.000 đồng và công nhận đất tranh chấp là của ông nên Hội đồng xét xử đình chỉ các yêu cầu này là phù hợp.

[2] Về án phí: Do ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn M thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, ông H và ông M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Điều 166 Bộ luật dân sự.

- Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Luật đất đai năm 2013.
- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn H phần đất diện tích 1103,3 m², thuộc thửa đất số 591, loại đất lúa, tờ bản đồ số 17, tọa lạc Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08284 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/10/2018 cho ông Nguyễn Văn M (đất hiện nay ông Nguyễn Văn H đang quản lý, sử dụng). Đất có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T.
- + Tây giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn M.
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M.
- + Bắc giáp đất bờ kênh, kênh 14.

Buộc ông Nguyễn Văn H di dời hàng rào (trụ bê tông kéo lưới B40) trả lại cho ông Nguyễn Văn M phần đất có diện tích 36,9 m², thuộc thửa đất số 591, loại đất lúa, tờ bản đồ số 17, tọa lạc Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08284 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/10/2018 cho ông Nguyễn Văn M (đất hiện nay ông Nguyễn Văn H đang quản lý, sử dụng). Đất có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất trả lại cho ông Nguyễn Văn H.
- + Tây giáp đất ông Nguyễn Văn C.
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M.
- + Bắc giáp đất bờ kênh, kênh 14.

(Có sơ đồ đất kèm theo)

Ông Nguyễn Văn H được quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng có sơ đồ kèm theo.

Ông Nguyễn Văn M được quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh lại hiện trạng sử dụng theo sơ đồ kèm theo.

(Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và ông M theo quyết định của Bản án đã tuyên khi ông H và ông M có yêu cầu).

Ghi nhận ông Nguyễn Văn M tự nguyện hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn H số tiền di dời hàng rào là 600.000 đồng (đã giao tiền xong).

Ghi nhận ông Nguyễn Văn M tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền cây trồng trên đất (hai cây dừa) là 2.200.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 04/4/1997 cho ông Nguyễn Văn M và yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc buộc ông M trả lại số tiền bồi thường là 141.000.000 của ông Nguyễn Văn H.

Đình chỉ yêu cầu phản tố và yêu cầu phản tố bổ sung về việc buộc ông Nguyễn Văn H trả lại số tiền bồi thường là 116.000.000 đồng và công nhận đất tranh chấp của ông Nguyễn Văn M.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông H, ông M thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí nên ông H, ông M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Án tuyên lúc 09 giờ ngày 19/9/2022 có mặt ông H, ông M, ông Đ, ông P, bà H. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh